

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG	Số: 19 ngày: 08/1/2001
VĂN	CHỖ
ĐẾN	Lãnh đạo CC: Phòng: Mã: Sao: W

**CÔNG TY TNHH
TRIBECO MIỀN BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2018- R&D

Hưng Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2019

XIN XÁC NHẬN CHO BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM – SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC.**

Địa chỉ: **Km 22, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.**

Điện thoại: 02213941950.

Fax: 02213941951

Mã số doanh nghiệp: 0900269243

Thực hiện Nghị định số: 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ, chúng tôi đã trình quý cơ quan bản công bố sản phẩm Sữa đậu nành vị trứng (dạng lỏng), dạng hộp giấy, thể tích thực 250ml, số TCB: 03/Tribeco/2018 với số lượng 02 bộ hồ sơ.

Nay, chúng tôi viết thư này kính trình xin quý cơ quan xem xét, đóng dấu xác nhận và cấp lại 01 bản công bố cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn quý cơ quan đã hỗ trợ chúng tôi trong thời gian vừa qua!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Phòng RD

Hưng Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN TRIBECO MIỀN BẮC

TỔNG GIÁM ĐỐC *Wu Jung Te*



WU JUNG TE



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/TRIBECO/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Miền Bắc

Địa chỉ: Km 22, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 02213941950

Fax: 02213941951

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0900269243

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: số 001349/2016 (ATTP-CNDK). Ngày cấp: 02/11/2016 có hiệu lực đến 02/11/2019. Nơi cấp Cục an toàn thực phẩm – Bộ y tế, thành phố Hà Nội.

Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm ISO 22000:2005 số CH14/0607. Ngày cấp 31/05/2017 có hiệu lực đến 29/05/2020. Nơi cấp: công ty SGS Việt Nam 198 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

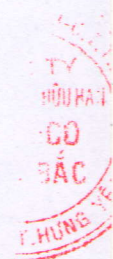
II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SỮA ĐẬU NÀNH HƯƠNG VỊ TRỨNG (Dạng lỏng)
2. Thành phần: nước, đậu tương không biến đổi gen, Sucrose, Lactose, Sodium Carboxymethyl Cellulose, muối, Hương, Glycerin Fatty Acid Ester
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 180 ngày
4. Quy cách đóng gói và chất lượng bao bì
Quy cách đóng gói: thể tích thực 250ml
Chất liệu bao bì: hộp giấy, bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm

Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: Công ty UNI-PRESIDENT ENTERPRISES CORP

Địa chỉ: Số 7 , Da Ying ,Da Ying Li, Xin Shi District, Tai Nan City, Đài Loan.



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6- 2:2010/BYT
- Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm ISO 22000: 2005 số CH/140607 có hiệu lực từ 31/05/2017 đến 29/05/2020

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 1 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



WU JUNG TE

SỮA ĐẬU NÀNH VỊ TRỨNG
(Dạng lỏng)

Thành phần: nước, đậu tương không biến đổi gen, Sucrose, Lactose, Natri carboxymethyl cellulose, muối, Hương, Axit béo glyceride

Thể tích thực: 250ml

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- + Năng lượng: 55.7Kcal/100 ml
- + Hàm lượng protein: 2.0g/100ml
- + Hàm lượng lipit: 1.3g/100ml
- + Hàm lượng carbohydrate: 9.0g/100ml
- + Đường :8.4g/100ml
- + Sodium: 40mg/100ml

Hướng dẫn sử dụng: lắc đều trước khi sử dụng, ngon hơn khi uống lạnh

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

Thời hạn sử dụng: 180 ngày (xem trên bao bì)

Lưu ý: Nếu có hiện tượng lắng cặn đậu nành hoặc hiện tượng nổi váng sữa, đề nghị lắc đều trước khi uống.

Nhà sản xuất: Công ty UNI-PRESIDENT ENTERPRISES CORP.

Địa chỉ : Số 7 , Da Ying ,Da Ying Li, Xin Shi District, Tai Nan City, Đài Loan

Nhà nhập khẩu và phân phối:

1. Công ty TNHH Tribeco Miền Bắc.
2. Địa chỉ: Km22 , thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
Tel: 0221 3 941 950

GXN số: 03/Tribeco/2018



不適於印刷條件
本樣稿依客戶要求製作但包含了不適於印刷條件的部份以及利樂公司不建議的印刷條件。因此，在工業化的生產條件下，利樂公司需提醒實際生產結果會與本打樣稿不盡相同。
線條過細

文字版面樣稿

系統/容量: TBA_250 STD
設計燈號: 53-9174-38
打樣燈號: 1nr4dup
客戶產品別:
印刷方式: Flexo Process
開口方式: Straw.No colour
完成日: 11-Sep-18

關於此份打樣:
此打樣係複製原稿，用於顯示文字及構圖位置亦即在包材上會被看到的部份。

此打樣所顯現的顏色，並非正式的生產顏色，需請參考所附的顏色刷樣或是顏色號碼。若對顏色刷樣或顏色號碼有任何問題，請勿核准此樣並請詢問利樂公司業務服務人員。

若核准此打樣，表示確認此樣上所附註的文件或說明可做為生產印刷之依據。在任何工業量產的生產製造過程，公差度的存在是無法避免的，而完成品與打樣也可能會不盡相同。詳細說明，請參閱利樂公司設計手冊。

確認簽字: _____
姓名: _____
日期: _____



蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

營養標示

每份	每100毫升
139大卡	55.7大卡
5.0公克	2.0公克
3.2公克	1.3公克
0.8公克	0.3公克
0公克	0公克
22.5公克	9.0公克
21.0公克	8.4公克
11.2公克	4.5公克

熱量 蛋白質 脂肪 飽和脂肪 反式脂肪 碳水化合物 鈉

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

4 710088 820266

1808-1

蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

蜜豆奶 雞蛋口味

統一 蜜豆奶

非基因改造 黃豆製成 不添加防腐劑 不添加色素

Số/No: 2018 / 2638 / TN4

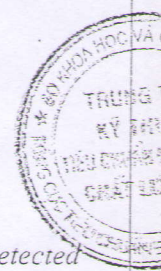
Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/Name of sample: **Sữa đậu nành hương trứng
Soy Milk (egg flavor)**
- Khách hàng/Customer: **Công ty TNHH Tribeco Miền Bắc
North Tribeco Co., Ltd**
- Số lượng mẫu/Quantity: **03 hộp (03 boxes)**
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: **11/12/2018**
- Tình trạng mẫu/Status of sample: **Mẫu được đựng trong hộp nguyên, không bị bóp méo.
As received, sample is contained in original boxes, not distorted**
- Thời gian thử nghiệm/Test duration: **Từ ngày/From: 11/12/2018 đến ngày/To: 25/12/2018**

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Năng lượng, Kcal/100g Energy	FDA manual (Title 21- chapter I)	53,33
2.	Hàm lượng protein, g/100mL (*) Protein content	TCVN 8099-1: 2015	2,16(**)
3.	Hàm lượng chất béo, g/100mL Fat content	AOAC 989.05 : 2012	1,06
4.	Hàm lượng đường tổng, g/100mL Total sugar content	Tk TCVN 4074: 2009	9,13
5.	Hàm lượng Chì, mg/100mL Lead content	AOAC 999.10 : 2012	Không phát hiện/ not detected (LOD = 0,03)
6.	Tổng vi khuẩn hiếu khí, CFU/mL (*) Total plate count	ISO 4833-1: 2013	Không có/ nil
7.	Coliforms, CFU/mL (*)	ISO 4832: 2006	Không có/ nil
8.	E.coli, CFU/mL (*)	ISO 16649-2: 2001	Không có/ nil
9.	Tổng số nấm men, mốc, CFU/mL (*) Total yeast & moulds	ISO 21527-1: 2008	Không có/ nil
10.	C. perfringens, CFU/mL (*)	ISO 7937: 2004	Không có/ nil



Ghi chú: (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS/ The parameters have been accredited

(**) Hệ số chuyển đổi $f = 6,38$ (do FAO công bố)/ factors for the conversion of nitrogen content to protein content (published by FAO)

LOD (Limit of Detection) là giới hạn phát hiện của phương pháp thử
(còn tiếp/ to be continue)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Name of sample and customer are written as customer's request

Số/No:.....2018/.....2536...../TN4.....

Trang/Page:.....2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

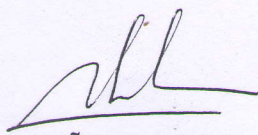
TEST RESULT

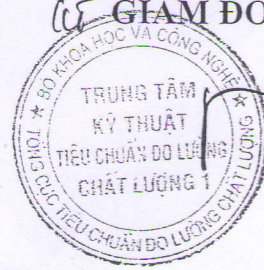
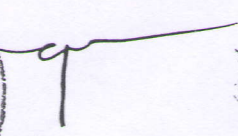
(tiếp theo trang 1/ continue page 1)

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
11.	S.aureus, CFU/mL (*)	ISO 6888-1: 1999	Không có/ nil
12.	P. aeruginosa, CFU/ mL (*)	QĐ 3347: 2001/BYT	Không có/ nil
13.	Faecal streptococci, CFU/mL (*)	QĐ 3351: 2001/BYT	Không có/ nil
14.	Cảm quan/ <i>Sensory test</i> Trạng thái/ <i>State</i> Màu sắc/ <i>Color</i> Mùi/ <i>Odor</i> Vị/ <i>Taste</i>	TN4/HD/N1-107	Dạng lỏng/ <i>Liquid</i> Màu ngà vàng / <i>Yellow</i> Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm <i>Characteristic perfume of product</i> Vị ngọt/ <i>sweet</i>

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM
 THỰC PHẨM**


 Đỗ Văn Thích

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR


PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

SGS

Certificate CH14/0607

The management system of

Tribeco Northern Co., Ltd.

Km 22, Ban Yen Nhan Town, My Hao District, Hung Yen Province, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of

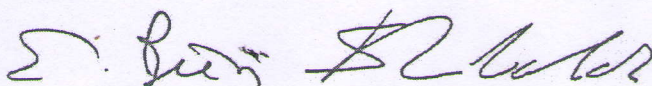
ISO 22000:2005

For the following activities

Manufacturing of sterilized soya milk and non-carbonated soft drinks,
pasteurized fruit juice
Food Category: CII Processing (perishable plant product)
CIV Processing of ambient stable products

This certificate is valid from 31 May 2017 until 29 May 2020
and remains valid subject to satisfactory surveillance audits
Recertification audit due before 3 May 2020
Issue 2. Certified since May 2014

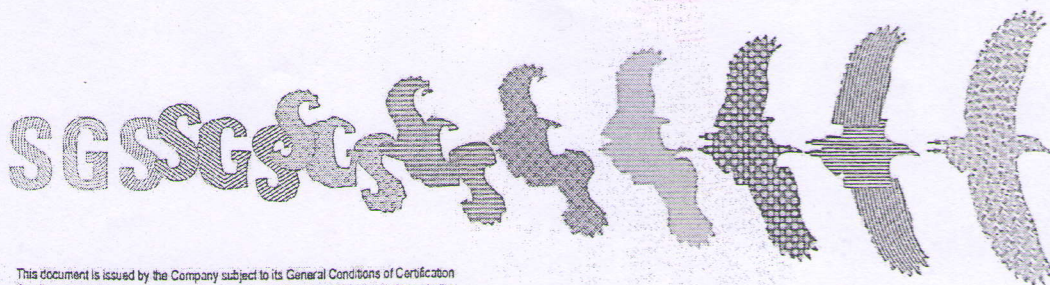
Authorised by



SGS Société Générale de Surveillance SA
Technoparkstrasse 1 8005 Zurich Switzerland
t +41 (0)44 445-16-80 f +41 (0)44 445-16-88 www.sgs.com



Page 1 of 1



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Certification
Services accessible at www.sgs.com/terms_and_conditions.htm. Attention is drawn to the
limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. The
authenticity of this document may be verified at <http://www.sgs.com/certifiedclients>. Any
unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is
unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Certificate of Food Safety Conditions

CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM - BỘ Y TẾ

Vietnam Food Administration - MOH

CHỨNG NHẬN

Certifies

TÊN CƠ SỞ (Name): Công ty TNHH Tribeco Miền Bắc

CHỦ CƠ SỞ (Owner): Chen Yu Jen

ĐỊA CHỈ (Address): Km22 - Thị trấn Bân Yên Nhân - Huyện Mỹ Hào - Hưng Yên

ĐIỆN THOẠI (Tel): 03213941950 FAX: 03213941951

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Conforms to food safety regulations

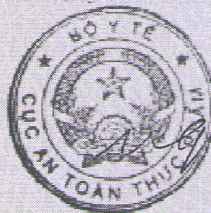
Sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Hà Nội, ngày 2 tháng 11 năm 2016..
(Day) (Month) (Year)

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

(Ký tên & đóng dấu - Sign and seal)



Số cấp: 001349...../2016.../ATTP-CNDK
(Reg.No.)

Có hiệu lực (Valid until)
đến ngày 2 tháng 11 năm 2019.....
(Day) (Month) (Year)

Nguyễn Hùng Long

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0900269243

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 04 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 11 tháng 07 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH TRIBECO CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: NTRI

2. Địa chỉ trụ sở chính

Km 22, Thị Trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3941950

Fax: 0321 3941951

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3702023469

Do: Phòng ĐKKD tỉnh Bình Dương

Cấp ngày: 01/08/2016

*Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,
Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: WU JUNG TE

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/03/1966

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: 301509987

Ngày cấp: 04/05/2010

Nơi cấp: Đài Loan - Trung Quốc

*Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: No.33, Lane 145, Zhongshanyi road, Zhongshan,
Keelung, Đài Loan*

*Chỗ ở hiện tại: Số 6, Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An,
Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Doãn Thị Lâm